**THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG CÔNG CỤ HỖ TRỢ**

|  |  |
| --- | --- |
| **1** | **Trình tự thực hiện** |
| **Bước 1:** Chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.  **Bước 2:** Nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ tại Bộ phận một cửa Công an tỉnh Nghệ An.  Cán bộ tiếp nhận hồ sơ:  Kiểm tra tính hợp lệ của thành phần hồ sơ:  - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Hướng dẫn bằng văn bản ghi rõ thủ tục, nội dung cần bổ sung, kê khai lại nếu hồ sơ thiếu thủ tục hoặc kê khai chưa chính xác. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì không tiếp nhận hồ sơ và trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do không tiếp nhận cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đã đề nghị.  - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Tiếp nhận hồ sơ, ghi vào sổ theo dõi hồ sơ đã tiếp nhận; ghi và giao giấy biên nhận hồ sơ cho người được cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cử đến nộp hồ sơ.  **Bước 3:** Thu giấy biên nhận, trả giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ cho đơn vị, tổ chức, cá nhân đề nghị. |
| **2** | **Cách thức thực hiện** |
| Trực tiếp tại Bộ phận một cửa Công an tỉnh Nghệ An, địa chỉ: số 146, đường Lê Hồng Phong, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.  Thời gian: Từ thứ 2 đến thứ 6 (Trong giờ hành chính). |
| **3** | **Thành phần hồ sơ** |
| **1**. Văn bản đề nghị nêu rõ số lượng, chủng loại, nước sản xuất, nhãn hiệu, số hiệu, ký hiệu từng loại công cụ hỗ trợ; bản sao Giấy phép trang bị công cụ hỗ trợ; bản sao hóa đơn hoặc bản sao phiếu xuất kho.  **2**. Giấy giới thiệu kèm theo bản sao thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc Chứng minh Công an nhân dân của người đến liên hệ. |
| **4** | **Số lượng hồ sơ** |
| 01 (một) bộ. |
| **5** | **Thời hạn giải quyết** |
| 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. |
| **6** | **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính** |
| Tổ chức  ***\* Điều kiện thực hiện:*** Giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ được cấp đối với các loại súng bắn điện, hơi ngạt, chất độc, chất gây mê, từ trường, laze, lưới; súng phóng dây mồi; súng bắn đạn nhựa, nổ, cao su, hơi cay, pháo hiệu, đánh dấu; các loại dùi cui điện, dùi cui kim loại. Chỉ cấp Giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ cho đối tượng được trang bị công cụ hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều 55 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 14/2017/QH14 ngày 20/6/2017), cụ thể:  “1. Đối tượng được trang bị công cụ hỗ trợ bao gồm:  a) Quân đội nhân dân;  b) Dân quân tự vệ;  c) Cảnh sát biển;  d) Công an nhân dân;  đ) Cơ yếu;  e) Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao;  g) Cơ quan thi hành án dân sự;  h) Kiểm lâm, lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách, Kiểm ngư, lực lượng trực tiếp thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành thủy sản;  i) Hải quan cửa khẩu, lực lượng chuyên trách chống buôn lậu của Hải quan;  k) Đội kiểm tra của lực lượng Quản lý thị trường;  l) An ninh hàng không, lực lượng trực tiếp thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành giao thông vận tải;  m) Lực lượng bảo vệ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ bảo vệ;  n) Ban Bảo vệ dân phố;  o) Câu lạc bộ, cơ sở đào tạo, huấn luyện thể thao có giấy phép hoạt động;  p) Cơ sở cai nghiện ma túy;  q) Các đối tượng khác có nhu cầu trang bị công cụ hỗ trợ thì căn cứ vào tính chất, yêu cầu, nhiệm vụ, Bộ trưởng Bộ Công an quyết định.” |
| **7** | **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính** |
| Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội - Công an tỉnh Nghệ An. |
| **8** | **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính** |
| Giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ. |
| **9** | **Lệ phí** |
| 10.000 đồng/ 01 giấy. |
| **10** | **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai** |
| Không. |
| **11** | **Căn cứ pháp lý** |
| **1.** Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 14/2017/QH14 ngày 20/6/2017).  **2.** Nghị định số 79/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.  **3.** Thông tư số 16/2018/TT-BCA ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.  **4.** Thông tư số 17/2018/TT-BCA ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trang bị vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ.  **5.** Thông tư số 18/2018/TT-BCA ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp, cấp đổi, cấp lại Giấy phép, Giấy xác nhận về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ, thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ.  **6.** Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh, phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp Giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp Giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.  **7.** Thông tư số 23/2019/TT-BTC ngày 19/4/2019 của Bộ Tài chính sửa đổi một số điều của Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh, phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp Giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp Giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ. |